

Số: 331 /BC-UBND

Lai Châu, ngày 24 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2017;
Dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh, thu, chi NSDP năm 2018**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSDP NĂM 2017

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, kỳ họp thứ tư về dự toán thu ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2017;

UBND tỉnh Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSDP năm 2017 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2017

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2017 ước thực hiện 8.631.000 triệu đồng, tăng 37% so với dự toán HĐND giao, tăng 5% so với thực hiện năm 2016. Nếu loại trừ các khoản thu kết dư, thu chuyển nguồn, thu nộp trả ngân sách cấp trên là 1.755.556 triệu đồng thì thực chất tổng thu NSDP ước thực hiện: 6.875.444 triệu đồng, tăng 9% so với dự toán HĐND giao (Có phụ biểu số 01 kèm theo).

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Ước thực hiện 1.900 tỷ đồng, tăng 11% so với dự toán Trung ương giao, tăng 9% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3% so với thực hiện năm 2016, cụ thể như sau:

* **Thu nội địa:** Ước thực hiện 1.895 tỷ đồng, tăng 12% so với dự toán Trung ương giao, tăng 10% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 4% so với thực hiện năm 2016. Bao gồm:

- Thu từ Doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: Ước thực hiện 1.214.000 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán Trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 9% so với thực hiện năm 2016. Nguyên nhân tăng do nguồn thu phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thủy điện trên địa bàn tỉnh đạt khá.

- Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 4.300 triệu đồng, tăng 2,15 lần so với dự toán Trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 40% so với thực hiện năm 2016.

- Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý: Ước thực hiện 11.000 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán Trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 91% so với thực hiện năm 2016.

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 242.000 triệu đồng, bằng 84% so với dự toán Trung ương giao, dự toán HĐND tỉnh giao và thực hiện năm 2016. Khoản thu này đạt thấp do kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2017 thấp hơn so với kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2016. Ngoài ra, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư đạt thấp; các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành, thu vãng lai giảm và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh còn thấp.

- Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 54.000 triệu đồng, tăng 20% so với dự toán Trung ương giao và tăng 17% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 12% so với thực hiện năm 2016. Nguyên nhân do thị trường mua bán, chuyển nhượng nhà đất, đăng ký mới xe ô tô, xe máy tăng.

- Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện là 26.500 triệu đồng, tăng 33% so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 17% so với thực hiện năm 2016, do phát sinh chủ yếu từ hoạt động chuyển nhượng nhà đất trên địa bàn.

- Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 85.000 triệu đồng, tăng 13% so với dự toán Trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3% so với thực hiện năm 2016, do sản lượng tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn tỉnh tăng.

- Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 73.500 triệu đồng, tăng 3,87 lần so với dự toán Trung ương giao và tăng 2,16 lần so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 50% so với thực hiện năm 2016. Nguyên nhân tăng cao chủ yếu phát sinh từ nguồn thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu Ma Lù Thàng.

- Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 109.000 triệu đồng, tăng 2,18 lần so với dự toán Trung ương giao, tăng 51% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 92% so với thực hiện năm 2016. Các khoản thu tiền sử dụng đất tăng là do các huyện, thành phố tạo quỹ đất và thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với các khu vực có lợi thế về thương mại.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 11.300 triệu đồng, tăng 88% so với dự toán Trung ương giao và tăng 48% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 35% so với thực hiện năm 2016. Do truy thu tiền thuê mặt đất, mặt nước từ các năm trước chuyển sang của các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện 2.500 triệu đồng, đạt 28% so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 45% so với

thực hiện năm 2016, khoản thu này đạt thấp do không phát sinh cấp phép thăm dò khai thác khoáng sản.

- Thu khác ngân sách: Ước thực hiện là 35.500 triệu đồng, tăng 15% so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 79% so với thực hiện năm 2016.

- Các khoản thu tại xã: Ước thực hiện 1.400 triệu đồng, tăng 2,33 lần so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 1,78 lần so với thực hiện năm 2016.

- Thu xổ số kiến thiết: Ước thực hiện là 25.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND giao và bằng 93% so với thực hiện năm 2016.

* **Thu thuế XNK và thuế GTGT hàng nhập khẩu:** Ước thực hiện 5.000 triệu đồng, bằng 20% so với dự toán Trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 26% so với thực hiện năm 2016. Khoản thu này đạt thấp do các công trình thủy điện cơ bản đã hoàn thành từ các năm trước.

* **Chi tiết thu ngân sách trên địa bàn của các huyện, thành phố:**

+ **Huyện Tam Đường:** Ước thực hiện 30.000 triệu đồng, tăng 28% so với dự toán giao và bằng 97% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 18.000 triệu đồng, tăng 1% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 10% so với thực hiện năm 2016.

+ **Huyện Phong Thổ:** Ước thực hiện 86.000 triệu đồng, tăng 54% so với dự toán giao và bằng 93% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 28.650 triệu đồng, tăng 1% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 11% so với thực hiện năm 2016.

+ **Huyện Sìn Hồ:** Ước thực hiện 20.000 triệu đồng, tăng 14% so với dự toán giao và bằng 75% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 17.700 triệu đồng, tăng 8% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 86% so với thực hiện năm 2016.

+ **Huyện Nậm Nhùn:** Ước thực hiện 32.000 triệu đồng, bằng 87% so với dự toán giao và bằng 53% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 28.750 triệu đồng, bằng 93% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 62% so với thực hiện năm 2016.

+ **Huyện Mường Tè:** Ước thực hiện 51.300 triệu đồng, bằng 82% so với dự toán giao và bằng 72% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 46.050 triệu đồng, bằng 90% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 91% so với thực hiện năm 2016.

+ **Huyện Than Uyên:** Ước thực hiện 46.000 triệu đồng, bằng 96% so với dự toán giao và bằng 65% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối

ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 37.450 triệu đồng, bằng 90% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 88% so với thực hiện năm 2016.

+ **Huyện Tân Uyên:** Ước thực hiện 45.000 triệu đồng, tăng 12% so với dự toán giao và tăng 7% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 26.750 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 6% so với thực hiện năm 2016.

+ **Thành phố Lai Châu:** Ước thực hiện 198.800 triệu đồng, tăng 19% so với dự toán giao và bằng 64% so với thực hiện năm 2016. Trong đó thu cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) là 136.350 triệu đồng, tăng 1% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 99% so với thực hiện năm 2016.

II. Thu kết dư: 62.300 triệu đồng, bao gồm:

- Kết dư ngân sách tỉnh: 25.445 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách huyện: 36.855 triệu đồng.

III. Thu chuyển nguồn: Thực hiện 1.687.638 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách tỉnh: 1.025.062 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, thành phố: 662.576 triệu đồng.

IV. Thu trợ cấp từ ngân sách Trung ương: Ước thực hiện cả năm 5.028.444 triệu đồng, tăng 9% so với dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, tăng 6% so với thực hiện năm 2016.

1. Thu trợ cấp TW cân đối theo dự toán đầu năm: 3.777.363 triệu đồng.
2. Bổ sung thực hiện các CTMTQG: 758.258 triệu đồng.
3. Bổ sung có mục tiêu: 492.823 triệu đồng. Trong đó Trung ương bổ sung ngoài dự toán đầu năm: 128.692 triệu đồng. Bao gồm:

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ thiệt hại về gia súc, cây trồng do rét đậm rét hại năm 2016: 16 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017: 18.100 triệu đồng.

- Kinh phí mua vắc xin lở mồm long móng trong năm 2016: 844 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách năm 2016: 4.000 triệu đồng.

- Kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán: 6.000 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính năm 2017: 500 triệu đồng.

- Tạm cấp kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2017: 3.700 triệu đồng.

- Kinh phí khắc phục thiệt hại bão lũ: 10.000 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ năm 2017: 18.462 triệu đồng.
- Hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2016 để thực hiện các dự án cấp bách: 25.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ kinh phí Hội Văn học nghệ thuật, Hội Nhà báo năm 2017: 570 triệu đồng.
- Chương trình phát triển lâm nghiệp: 40.650 triệu đồng.
- Kinh phí phát triển hệ thống trợ giúp xã hội: 850 triệu đồng.

V. Ghi thu quản lý qua ngân sách: Ước thực hiện: 10.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán HĐND giao.

VI. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: Ước thực hiện: 5.618 triệu đồng.

B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2017

Tổng chi NSDP ước thực hiện là 8.631.000 triệu đồng (Trong đó: Chi từ chuyển nguồn năm trước là 843.819 triệu đồng; chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2016 là 62.300 triệu đồng) tăng 37% so với dự toán giao đầu năm và tăng 4% so với thực hiện năm 2016. (Có biểu chi tiết số 02 kèm theo)

Chi tiết các lĩnh vực chi cụ thể như sau:

I. Chi cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 5.404.518 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán và tăng 5% so với thực hiện năm 2016. Chi tiết như sau:

1. Chi Đầu tư phát triển: Ước thực hiện 566.720 triệu đồng, bằng 99% so với dự toán giao đầu năm, bằng 98% so với thực hiện năm 2016. Bao gồm:

- **Chi đầu tư XDCB tập trung:** Ước thực hiện 475.620 triệu đồng đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, tăng 29 % so với thực hiện năm 2016.

- **Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:** Ước thực hiện 66,1 tỷ đồng, bằng 91% so với dự toán giao đầu năm, tăng 1,95 lần so với thực hiện năm 2016.

- **Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT:** Ước thực hiện 25.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 75% so với thực hiện năm 2016.

2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 4.703.580 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán giao đầu năm, tăng 5% so với thực hiện năm 2016. Cụ thể là:

- **Chi sự nghiệp kinh tế:** Ước thực hiện 592.621 triệu đồng tăng 15% so với dự toán giao đầu năm và tăng 5% so với thực hiện năm 2016; Nhìn chung, đã đảm bảo kinh phí hoạt động và chi sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi và hoạt động kiến thiết thị chính, đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp; kinh phí thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí; kinh phí duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất; kinh phí đảm bảo giao thông phục vụ cho việc lưu thông hàng hoá, vận chuyển hành khách và đi lại của Nhân dân; trồng và chăm sóc cây xanh ở đô thị; công tác vệ sinh môi trường ở các huyện, thành phố...).

- **Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo:** Ước thực hiện 2.055.198 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm và tăng 4% so với thực hiện năm 2016; đã đáp ứng nhiệm vụ dạy và học của sự nghiệp giáo dục, trong đó có đào tạo nghề cho lao động nông dân và đảm bảo thực hiện đầy đủ chính sách chế độ cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

- **Chi sự nghiệp Y tế:** Ước thực hiện 661.003 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, tăng 10% so với thực hiện năm 2016; đã đảm bảo thực hiện tốt việc chăm sóc sức khoẻ ban đầu và khám chữa bệnh cho Nhân dân, đặc biệt là khám chữa bệnh cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và trẻ em dưới 6 tuổi.

- **Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ:** Ước thực hiện 8.210 triệu đồng bằng 100% so với dự toán giao đầu năm, tăng 83% so với thực hiện năm 2016; đã thực hiện triển khai một số đề tài khoa học theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- **Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin:** Ước thực hiện 63.526 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm và tăng 62% so với thực hiện năm 2016; đã đảm bảo hoạt động thường xuyên của các đơn vị, góp phần đưa phong trào văn hoá, văn nghệ về cơ sở, vùng sâu, vùng xa.

- **Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình:** Ước thực hiện 44.796 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm và tăng 32% so với thực hiện năm 2016. Đáp ứng công tác tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- **Chi sự nghiệp Thể dục thể thao:** Ước thực hiện 15.365 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm và tăng 86% so với thực hiện năm 2016.

- **Chi đảm bảo xã hội:** Ước thực hiện 89.444 triệu đồng, tăng 25% so với dự toán giao đầu năm, tăng 31% so với thực hiện năm 2016; Đã giải quyết được cơ bản các chính sách về an sinh xã hội như: Chính sách trợ giúp thường xuyên các đối tượng bảo trợ xã hội theo mức mới quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP; thăm hỏi các gia đình và các đối tượng chính sách; chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội; chi hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg ... góp phần ổn định chính trị, xã hội của địa phương.

- **Chi Quản lý hành chính:** Ước thực hiện 588.543 triệu đồng, tăng 1% so với dự toán giao đầu năm, bằng 98% so với thực hiện năm 2016. Đã đảm bảo chi hoạt động quản lý hành chính của các cấp, đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Đoàn thể, các khoản chi khác trên địa bàn tỉnh.

- **Chi Quốc phòng - An ninh địa phương:** Ước thực hiện 108.877 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán giao đầu năm, tăng 5% so với thực hiện năm 2016; đã đảm bảo nhiệm vụ Quốc phòng-An ninh của địa phương.

- **Chi ngân sách xã:** Ước thực hiện 443.387 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 98% so với thực hiện năm 2016.

- **Chi khác ngân sách:** 32.610 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán giao, tăng 58% so với thực hiện năm 2016.

- **Chênh lệch tăng thu giữa DTTW giao với DTĐP bố trí chi thực hiện CCTL:** 24.955 triệu đồng.

3. Chi trả lãi vay Ngân hàng Phát triển: Ước thực hiện 213 triệu đồng, bằng 71% so với dự toán giao đầu năm, tăng 5% so với thực hiện năm 2016.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.

5. Sử dụng dự phòng ngân sách: 108.050 triệu đồng, thực hiện phân bổ chi khắc phục hậu quả bão lũ cho các công trình giao thông, thủy lợi.

II. Chi thực hiện các dự án, chương trình MTQG: Ước thực hiện 419.652 triệu đồng, đạt 89% so với dự toán giao đầu năm và tăng 37% so với thực hiện năm 2016. Bao gồm:

1. Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững: Ước thực hiện 318.562 triệu đồng, đạt 95% so với dự toán giao đầu năm và tăng 23% so với thực hiện năm 2016.

2. Chương trình xây dựng Nông thôn mới: Ước thực hiện 101.090 triệu đồng, bằng 76% so với dự toán giao đầu năm, tăng 2,34 lần so với thực hiện năm 2016.

III. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: Ước thực hiện 399.014 triệu đồng, tăng 12% so với dự toán giao đầu năm và bằng 44% so với thực hiện năm 2016. Bao gồm:

1. Vốn Đầu tư xây dựng cơ bản: Ước thực hiện 371.542 triệu đồng, tăng 13% so với dự toán giao đầu năm, bằng 44% so với thực hiện năm 2016. Bao gồm:

- **Chương trình phát triển KT-XH các vùng:** Ước thực hiện 256.202 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 56% so với thực hiện năm 2016.

- **Chương trình hỗ trợ đối ứng ODA (vốn trong nước):** Ước thực hiện 16.122 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm tăng 24% so với thực hiện năm 2016.

- **Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư:** Ước thực hiện 8.100 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 96% so với thực hiện năm 2016.

- **Dự phòng ngân sách Trung ương:** Ước thực hiện 29.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao Trung ương bổ sung trong năm, bằng 48% so với thực hiện năm 2016.

- **Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm:** Ước thực hiện 22.118 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm và tăng 2,25 lần so với thực hiện năm 2016.

- **Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (vốn nước ngoài):** Ước thực hiện 40.000 triệu đồng, tăng 47% so với dự toán giao đầu năm, tăng 1,65 lần so với thực hiện năm 2016.

2. Vốn sự nghiệp: Ước thực hiện 27.472 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 38% so với thực hiện năm 2016. Chi tiết như sau:

- **Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội LH phụ nữ các cấp:** Ước thực hiện 100 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 25% so với thực hiện năm 2016.

- **Đề án phát triển KTXH vùng dân tộc rất ít người:** Ước thực hiện 23.170 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 87% so với thực hiện năm 2016.

- **Hỗ trợ từ vốn nước ngoài:** Ước thực hiện 3.630 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, bằng 51% so với thực hiện năm 2016.

- **Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý Quyết định 32/2016/QĐ-TTg:** Ước thực hiện 572 triệu đồng.

IV. Chi trả nợ vốn vay từ nguồn bội thu NSĐP: 133.700 triệu đồng.

V. Vốn trái phiếu chính phủ: 250.000 triệu đồng.

VI. Chi từ nguồn kết dư: Ước thực hiện 62.300 triệu đồng.

VII. Chi từ nguồn chuyển nguồn: Ước thực hiện 843.819 triệu đồng.

VIII. Ghi chi quản lý qua ngân sách: Ước thực hiện: 10.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao, bằng 38% so với thực hiện năm 2016.

- Ghi chi học phí thực hiện: 4.000 triệu đồng;

- Chi từ nguồn đóng góp: 6.000 triệu đồng.

IX. Chi chuyển nguồn sang năm 2018: 1.107.998 triệu đồng.

X. Tình hình ứng trước dự toán năm 2018

- Số kinh phí đã ứng trước dự toán năm 2018 là: 10.000 triệu đồng, để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm hành chính thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn (giai đoạn II).

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng 11% so với dự toán Trung ương giao; tăng 9% so với dự toán HĐND giao, tăng 3% so với thực hiện năm 2016. Do các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các đơn vị trong ngành tài chính đã chủ động triển khai quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, đẩy mạnh thanh, kiểm tra hoạt động giám sát tích cực của các cấp, các ngành cùng với việc cải cách thủ tục hành chính thuế đã tạo điều kiện khai thác tập trung các nguồn thu trên địa bàn đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách, nhiều khoản thu đạt khá. Tuy số thu có tăng nhưng tập trung chủ yếu là thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; lệ phí trước bạ; thu phí, lệ phí; thu tiền sử dụng đất... còn một số khoản thu không đạt dự toán giao như thu: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh, thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

- Các ngành, các cấp đã quan tâm, tập trung chỉ đạo việc tăng cường hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các huyện, thành phố với các cơ quan tài chính, thuế, Kho bạc Nhà nước trong đơn đốc thu ngân sách nhà nước khá chặt chẽ và hiệu quả.

- Số thu cân đối (không bao gồm tiền sử dụng đất) của một số huyện còn thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao, cụ thể: 05 huyện, thành phố ước thực hiện tăng thu so với dự toán HĐND tỉnh giao (bao gồm các huyện: Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tân Uyên và thành phố Lai Châu), 03 huyện còn lại (bao gồm các huyện: Nậm Nhùn, Mường Tè, Than Uyên) nguy cơ hụt thu cân đối (không bao gồm tiền sử dụng đất) so với dự toán HĐND tỉnh giao.

- Về chi NSDP năm 2017 đã đảm bảo đủ nguồn cân đối chi theo dự toán đã được HĐND tỉnh giao, đáp ứng cơ bản yêu cầu sự nghiệp kinh tế các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, hoạt động kiến thiết thị chính; đảm bảo chi cho sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo bao gồm đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện đầy đủ các chính sách mới, chế độ cho cán bộ, giáo viên và học sinh; đảm bảo thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho Nhân dân, đặc biệt là khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; Đảm bảo kinh phí thực hiện các đề án, nghị quyết và chính sách an sinh xã hội của cấp có thẩm quyền phê duyệt và kinh phí cho hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Đoàn thể, góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Đồng thời quản lý chặt chẽ nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

- Trong quản lý điều hành ngân sách, hầu hết các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị đã nhận thức rõ về chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; ở

từng cơ quan, đơn vị đã làm tốt công tác rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Trong quản lý vốn đầu tư các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ chủ đầu tư đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành; tuân thủ theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn giai đoạn 2016-2020, ưu tiên bố trí vốn cho các công trình hoàn thành và dự kiến hoàn thành, các công trình trọng điểm, hạn chế thấp nhất nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Tồn tại, hạn chế

- Do tình hình sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, nợ đọng thuế vẫn còn khá cao. Một số nguồn thu từ khu vực ngoài quốc doanh, thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu còn chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư và mức độ tăng trưởng kinh tế.

- Công tác lập dự toán chi ngân sách ở một số ngành, lĩnh vực còn chưa chủ động (kể cả một số nội dung đã được xác định ngay từ đầu năm) dẫn đến phân bổ chi tiết đến các cơ quan, đơn vị còn chậm, nhất là một số nguồn kinh phí thực hiện các đề án, nghị quyết của tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia như giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và phát sinh chuyển nguồn sang năm sau.

- Trong quản lý, sử dụng một số nguồn kinh phí sự nghiệp để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất ở một số chương trình hiệu quả còn hạn chế, chưa đảm bảo quy trình, thủ tục khi phân bổ và quản lý sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí.

- Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản triển khai còn chậm: Trách nhiệm của một số Chủ đầu tư còn chưa quyết liệt, công tác thẩm định, phân bổ nguồn vốn còn chậm; tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư thấp hơn so cùng kỳ năm trước; Công tác đền bù giải phóng mặt bằng vẫn còn vướng mắc ở nhiều công trình, chưa được các chủ đầu tư giải quyết dứt điểm, ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công của các dự án.

3. Nguyên nhân hạn chế

- Việc kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn, đầu tư toàn xã hội thấp, sức mua giảm, việc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư thường tập trung vào cuối năm và kéo dài sang tháng 01 năm sau nên nguồn thu thường phát sinh vào cuối năm và quý I của năm sau.

- Một số Chủ đầu tư chưa sát sao trong công tác chỉ đạo nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu khối lượng hoàn thành dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp, không có khối lượng để hoàn tạm ứng số vốn đã giải ngân các năm trước.

- Một số doanh nghiệp năng lực tài chính yếu không đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng, ảnh hưởng đến thực hiện tiến độ của các dự án.

- Công tác thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, thường xuyên của một số cơ quan, đơn vị còn chưa nghiêm túc, nội dung, thông tin trong báo cáo còn chưa sâu sát, chưa phản ánh đúng thực trạng ảnh hưởng đến việc tổng hợp, phân tích đánh giá để đề ra các giải pháp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN, THU, CHI NSĐP NĂM 2018

Thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Thông tư số 71/2017TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020; Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 được thực hiện theo Luật Ngân sách (năm 2015), do đó, mục tiêu tài chính - ngân sách nhà nước năm 2018 là:

- Huy động, phân phối, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính hiệu quả, công bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Thực hiện cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên và tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên đảm bảo chi kịp thời chính sách chế độ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn.

- Đẩy mạnh cải cách khu vực sự nghiệp công gắn với sắp xếp tinh giản bộ máy Nhà nước, biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác quản lý, giám sát tài chính, đảm bảo an toàn nợ công.

- Xây dựng dự toán thu ngân sách với mức tăng phù hợp, tích cực, đúng chế độ, phản ánh sát hoạt động của nền kinh tế và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Bố trí dự toán chi chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, ưu tiên bố trí nguồn cho các Chương trình, Đề án, Nghị quyết đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh phê duyệt, đồng thời thực hiện lồng ghép, tiết giảm; đảm bảo các nhiệm vụ chi cần thiết, quan trọng nhằm duy trì ổn định phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại trong tình hình mới.

Năm 2018 là năm tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIII và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và NSNN 5 năm giai đoạn 2016-2020 và là năm thứ hai thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020. Trên cơ sở Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2016-2020.

UBND tỉnh, Báo cáo - Trình HĐND tỉnh về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2018 cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị trực thuộc tỉnh và các huyện, thành phố như sau:

A. DỰ TOÁN THU NSDP VÀ GIAO DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN:

I. Dự toán thu NSDP: Tổng thu NSDP năm 2018 là: 7.728.775 triệu đồng, tăng 3,3% so với dự toán Trung ương giao.

Tổng thu NSNN trên địa bàn Trung ương giao 1.706.000 triệu đồng (*Thu nội địa 1.701.000 triệu đồng, thu thuế XNK 5.000 triệu đồng*). Địa phương xây dựng dự toán 1.950.000 triệu đồng (*Thu nội địa 1.940.000 triệu đồng, thu thuế Xuất nhập khẩu 10.000 triệu đồng*) tăng 14,3% so với dự toán Trung ương giao, tăng 11,43% so với dự toán năm 2017 và tăng 2,63% so với ước thực hiện năm 2017. Nếu loại trừ các khoản thu từ đất, thu xuất nhập khẩu thì dự toán 2018 tăng 8,8% so với dự toán trung ương giao, tăng 1% so với ước thực hiện năm 2017, bao gồm:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

+ **Thu từ DNNN do Trung ương quản lý:** Dự toán 1.150.000 triệu đồng, tăng 5,2% so với dự toán Trung ương giao, bằng 95% so ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài:** Dự toán 2.000 triệu đồng, bằng dự toán Trung ương giao và bằng 47% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu từ DNNN do địa phương quản lý:** Dự toán giao 9.500 triệu đồng, tăng 11,5% so với dự toán Trung ương giao và bằng 77% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:** Dự toán 316.700 triệu đồng, tăng 30% so với dự toán Trung ương giao và tăng 31% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Lệ phí trước bạ:** Dự toán 56.000 triệu đồng, bằng dự toán Trung ương giao và tăng 3,7% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thuế thu nhập cá nhân:** Dự toán 24.000 triệu đồng, bằng dự toán Trung ương giao và bằng 90,57% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thuế bảo vệ môi trường:** Dự toán 92.000 triệu đồng, bằng dự toán Trung ương giao và tăng 8,2% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu phí và lệ phí:** Dự toán 65.000 triệu đồng, tăng 8,33% so với dự toán Trung ương giao và bằng 88,44% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu tiền sử dụng đất:** Dự toán 142.500 triệu đồng, bằng 2,85 lần so với dự toán Trung ương giao và tăng 30,7% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước:** Dự toán 7.000 triệu đồng, bằng dự toán Trung ương giao và bằng 61,95% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:** Dự toán 8.500 triệu đồng, bằng dự toán Trung ương giao và bằng 3,4 lần so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu khác ngân sách:** Dự toán 40.000 triệu đồng, tăng 33,3% so với dự toán Trung ương giao và tăng 12,68% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu cố định tại xã:** Dự toán 800 triệu đồng, tăng 14% so với dự toán Trung ương giao và bằng 57,14% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu xổ số kiến thiết:** Dự toán 26.000 triệu đồng, bằng dự toán giao và tăng 4% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Thu thuế XNK và thuế GTGT hàng nhập khẩu:** Dự toán 10.000 triệu đồng, bằng 2 lần so với dự toán Trung ương giao và ước thực hiện năm 2017.

2. Thu ngân sách Trung ương trợ cấp: 5.849.755 triệu đồng, bao gồm:

- Bổ sung cân đối: 3.777.363 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 1.621.973 triệu đồng.

- Bổ sung Chương trình MTQG: 450.419 triệu đồng.

3. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN: 10.000 triệu đồng.

- Thu học phí: 4.000 triệu đồng.

- Thu ủng hộ, đóng góp: 6.000 triệu đồng.

II. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn: (Có biểu chi tiết số 03 kèm theo).

1. Ngân sách tỉnh: Tổng số 1.461.200 triệu đồng, tăng 18,85% so với dự toán năm 2017, tăng 2,83% so với ước thực hiện năm 2017.

2. Ngân sách huyện, thành phố: Tổng số 488.800 triệu đồng, tăng 8,45% so với dự toán 2017, tăng 17,5 % so với ước thực hiện năm 2017. (Có biểu chi tiết số 06 kèm theo).

+ **Huyện Tam Đường:** Dự toán 26.900 triệu đồng, tăng 14,7% so với dự toán năm 2017 và bằng 89,67% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Huyện Phong Thổ:** Dự toán 83.050 triệu đồng, tăng 48,3% so với dự toán năm 2017 và bằng 96,57% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Huyện Sìn Hồ:** Dự toán 22.450 triệu đồng, tăng 27,56% so với dự toán năm 2017 và tăng 12,25% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Huyện Nậm Nhùn:** Dự toán 29.100 triệu đồng, bằng 79,51% so với dự toán năm 2017 và bằng 90,94% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Huyện Mường Tè:** Dự toán 39.850 triệu đồng, bằng 63,8% so với dự toán năm 2017 và bằng 77,68% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Huyện Than Uyên:** Dự toán 50.500 triệu đồng, tăng 5,94% so với dự toán năm 2017 và tăng 9,78% so với ước thực hiện năm 2017.

+ **Huyện Tân Uyên:** Dự toán 47.750 triệu đồng, tăng 18,52% so với dự toán năm 2017 và tăng 6,11% so với ước thực hiện năm 2017 .

+ **Thành phố Lai Châu:** Dự toán 189.200 triệu đồng, tăng 13,53% so với dự toán năm 2017 và bằng 95,17% so với ước thực hiện năm 2017.

B. DỰ TOÁN CHI VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Dự toán chi NSDP được xây dựng trên cơ sở phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 và định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2017, các chính sách hiện hành và các yêu cầu cần thiết tối thiểu phải đáp ứng phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo nguyên tắc sau:

- Căn cứ định hướng phát triển KT-XH của Đảng bộ tỉnh, nguồn lực hỗ trợ của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách của địa phương để phân bổ.

- Căn cứ định mức phân bổ ngân sách đã được HĐND tỉnh quyết định và các chế độ chính sách hiện hành được ban hành giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo nguồn cho triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và các Đề án, Nghị quyết đã được phê duyệt kéo dài thời gian thực hiện giai đoạn 2016-2020 và các chính sách đặc thù đã được HĐND và UBND tỉnh ban hành.

- Ưu tiên chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp y tế, sự nghiệp khoa học công nghệ và các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi theo hướng triệt để tiết kiệm, hiệu quả gắn với tinh giản bộ máy, biên chế và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách. Lồng ghép nguồn vốn thực hiện các Chương trình, dự án giảm bớt sự trùng lặp, chồng chéo.

Trên cơ sở đó dự toán chi được phân bổ như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương là 7.728.775 triệu đồng, bằng 90% so với ước thực hiện năm 2017, tăng 4,29 % so với dự toán Trung ương giao. Cụ thể như sau:

I. Chi cân đối NSDP: Tổng chi cân đối NSDP là 5.851.089 triệu đồng, tăng 8,26% so với ước thực hiện năm 2017, tăng 7% so với dự toán Trung ương giao.

1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán 769.420 triệu đồng, tăng 34,23% so với dự toán năm 2017, chiếm 13,15% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

- Xây dựng cơ bản tập trung: Dự toán 540.920 triệu đồng, tăng 13,66% so với dự toán năm 2017.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Dự toán 142.500 triệu đồng, tăng 97,1% so với dự toán năm 2017.

- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 26.000 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán năm 2017.

- Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao: 60.000 triệu đồng.

2. Chi trả nợ lãi: 300 triệu đồng.

3. Chi thường xuyên: Dự toán 4.929.362 triệu đồng, chiếm 84,25% tổng chi cân đối ngân sách địa phương, tăng 7,05% so với dự toán năm 2017 và tăng 4,08% so với ước thực hiện năm 2017, tăng 3,98% so với dự toán Trung ương giao, chi tiết như sau:

3.1. Chi sự nghiệp kinh tế: Dự toán 580.054 triệu đồng, tăng 12,51% so với dự toán năm 2017 (*Đã bao gồm các nội dung chi: Chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp bao gồm cả mô hình khuyến nông - khuyến lâm; kinh phí giao thông, thủy lợi; kinh phí kiến thiết thị chính và các sự nghiệp kinh tế khác*) chiếm 11,77% tổng chi thường xuyên (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 167.652 triệu đồng, chiếm 28%, ngân sách huyện, thành phố 412.402 triệu đồng, chiếm 72%*). Đối với nội dung chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường do tỉnh quản lý; khắc phục bão lũ, đảm bảo giao thông; chi hoạt động của trạm kiểm tra trọng tải xe di động; chi hoạt động của văn phòng và hội đồng quản lý Quỹ được đảm bảo từ nguồn chi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh; chi duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường do huyện, thành phố quản lý được cân đối trong 7% sự nghiệp kinh tế và hỗ trợ thực hiện các Nghị quyết do tỉnh ban hành.

3.2. Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo: Dự toán 2.246.524 triệu đồng, tăng 9% so với dự toán năm 2017, chiếm 38% tổng chi cân đối và chiếm 46% tổng chi thường xuyên; học bổng học sinh theo chính sách, các chính sách ưu đãi của ngành; chính sách học sinh bán trú và trường PTDT bán trú theo Nghị định số 116/2016/QĐ-TTg; Hỗ trợ kinh phí sửa chữa các trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và vùng biên giới, mua sắm thiết bị cho trường bán trú, trường dự kiến đạt chuẩn, kinh phí thực hiện chính sách đối với CBCCVN công tác tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và bố trí đủ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo Nghị quyết của Tỉnh uỷ và HĐND tỉnh; (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 321.911 triệu đồng chiếm 14%, ngân sách huyện, thành phố 1.924.613 triệu đồng chiếm 86%*).

3.3. Chi sự nghiệp Y tế: Dự toán 642.113 triệu đồng, bằng 97% so với dự toán năm 2017, chiếm 13,03% tổng chi thường xuyên và đã đảm bảo hoạt động thường xuyên của toàn ngành y tế từ tỉnh đến xã, các chính sách như: Kinh phí BHYT khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo và dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên, kinh phí khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi; phụ cấp ưu đãi đối với ngành y tế; phụ cấp hàng tháng cho nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản; kinh phí thực hiện đề án đào tạo bác sĩ; Đề án nâng cao chất lượng hoạt động

của hệ thống y tế cơ sở giai đoạn 2016-2020; Đề án triển khai điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone giai đoạn 2016-2020, Đề án bảo đảm nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2015-2020, Cơ sở cai nghiện methadone.

3.4. Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ: Dự toán 8.263 triệu đồng (*bổ trí bằng dự toán Trung ương giao*), tăng 1% so với dự toán năm 2017, chiếm 0,17% tổng chi thường xuyên (*ngân sách tỉnh đảm nhiệm 100%*).

3.5. Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin: Dự toán 60.167 triệu đồng, bằng 95% so với dự toán năm 2017, chiếm 1,22% tổng chi thường xuyên (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 30.064 triệu đồng chiếm 50%, ngân sách huyện, thành phố 30.103 triệu đồng chiếm 50%*).

3.6. Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình: Dự toán 48.328 triệu đồng, tăng 8% so với dự toán năm 2017, chiếm 0,98% tổng chi thường xuyên (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 18.806 triệu đồng chiếm 39%, ngân sách huyện, thành phố 29.522 triệu đồng chiếm 61%*).

3.7. Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: Dự toán 12.946 triệu đồng, bằng 84% so với dự toán năm 2017, chiếm 0,26% tổng chi thường xuyên (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 8.496 triệu đồng chiếm 66%, ngân sách huyện, thành phố 4.450 triệu đồng chiếm 34%*).

3.8. Chi đảm bảo xã hội: Dự toán 73.067 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2017 (*đã bao gồm nhiệm vụ chi trợ cấp thường xuyên theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP*), chiếm 1,48% tổng chi thường xuyên (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 17.461 triệu đồng chiếm 24%, ngân sách huyện, thành phố 55.606 triệu đồng chiếm 76%*).

3.9. Chi quản lý hành chính: Dự toán 596.727 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2017, chiếm 12,1% tổng chi thường xuyên (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 333.312 triệu đồng chiếm 56%, ngân sách huyện, thành phố 263.415 triệu đồng chiếm 44%*).

3.10. Chi An ninh - Quốc phòng địa phương: Dự toán 144.372 triệu đồng, tăng 71% so với dự toán năm 2017, chiếm 2,9% tổng chi thường xuyên (*Bao gồm: Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh 102.176 triệu đồng chiếm 71%, ngân sách huyện, thành phố 42.196 triệu đồng chiếm 29%*).

3.11. Chi ngân sách xã, phường, thị trấn: Dự toán 476.669 triệu đồng, tăng 8% so với dự toán năm 2017, chiếm 10% tổng chi thường xuyên. Đã đảm bảo toàn bộ về chính sách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở và kinh phí thực hiện chính sách đối với CBCCVC công tác tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP,

kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg, kinh phí hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC, kinh phí thực hiện Đề án phát triển KTXH, đảm bảo QP-AN giai đoạn 2016-2020, nâng cấp sửa chữa trụ sở xã và mua sắm trang thiết bị theo Nghị Quyết số 07/NQ-TU ngày 30/9/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh...).

3.12. Chi khác ngân sách: Dự toán 40.132 triệu đồng (Bao gồm: Kinh phí chi cho công tác tôn giáo, Hỗ trợ cấp bù lãi suất cho vay người nghèo và đối tượng chính sách theo Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND, bổ sung quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, quỹ cho vay người nghèo và các khoản chi khác, trích lập quỹ thi đua khen thưởng...)

4. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: Dự toán 1.000 triệu đồng.

5. Dự kiến tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán trung ương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi: Dự toán 40.237 triệu đồng.

6. Dự phòng Ngân sách: Dự toán 110.770 triệu đồng (ngân sách tỉnh 67.596 triệu đồng, ngân sách huyện, thành phố 43.174 triệu đồng, bằng 2,25% tổng chi thường xuyên), tăng 2,52% so với dự toán năm 2017.

II. Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu ngân sách địa phương: 68.700 triệu đồng.

III. Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: Dự toán 450.419 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững: 292.119 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 158.300 triệu đồng.

IV. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: Dự toán 1.348.567 triệu đồng, bằng 3,78 lần so với dự toán năm 2017. Bao gồm:

1. Chi bổ sung có mục tiêu (Vốn đầu tư XDCB): 1.198.265 triệu đồng, bằng 3,63 lần so với dự toán năm 2017.

2. Chi bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp): 150.302 triệu đồng, bằng 2,58 lần so với dự toán năm 2017. Bao gồm:

- Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật và Hội Nhà báo địa phương; mua thiết bị chiếu phim và ô tô chuyên dụng: 1.170 triệu đồng.

- Chính sách trợ giúp pháp lý theo quyết định 32/2016/QĐ-TTg: 587 triệu đồng.

- Đề án phát triển KTXH vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg: 23.170 triệu đồng.

- Vốn chuẩn bị động viên: 10.000 triệu đồng.

- Bổ sung thực hiện một số Chương trình mục tiêu: 16.846 triệu đồng.
- Hỗ trợ từ vốn nước ngoài: 48.840 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện: 19.519 triệu đồng.
- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 là: 30.170 triệu đồng.

V. Chi từ các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN: Dự toán 10.000 triệu đồng, bao gồm:

- Chi từ học phí: 4.000 triệu đồng.
- Chi từ nguồn thu ủng hộ, đóng góp: 6.000 triệu đồng.

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:

I. Về thu ngân sách:

1. Tiếp tục triển khai tốt các Luật Thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2017, trong đó tập trung thực hiện Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ và tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế, mở rộng thực hiện hóa đơn điện tử, mở rộng kết nối thông tin với Ngân hàng Nhà nước và KBNN để quản lý thu thuế. Thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ. Xây dựng cụ thể hóa các chính sách, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, nâng cao năng lực của các doanh nghiệp tạo tiền đề phát triển nguồn thu ổn định, vững chắc cho ngân sách nhà nước, đồng thời cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2. Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN theo Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu qua Kho bạc Nhà nước. Triển khai quyết liệt, liên tục, đồng bộ các giải pháp về quản lý thu NSNN, phấn đấu hoàn thành số thu được HĐND tỉnh giao.

3. Theo dõi, tập trung khai thác nguồn thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, thu phí, lệ phí, thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và quản lý chặt chẽ các khoản thu.

4. Quản lý chặt chẽ các khoản thu, nhất là thu qua hình thức khoán, mở rộng cơ sở tính thuế (kể cả đối tượng và căn cứ tính thuế). Tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế, phấn đấu số nợ thuế năm 2018 giảm xuống dưới 5% so với số thực thu ngân sách nhà nước năm 2018; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra.

5. Thận trọng khi đề xuất, ban hành các chính sách mới làm giảm thu ngân sách nhà nước.

6. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực thu thuế; tăng cường công tác đối thoại với các doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả và thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh hiểu rõ về quyền lợi và nghĩa vụ nộp thuế để tự giác kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

II. Về chi ngân sách

Tập trung tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 712/KH-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Đồng thời tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng chế độ quy định, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

1. Về chi thường xuyên

- Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng chế độ quy định, chống lãng phí theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao và khả năng thu ngân sách; Chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi khi thu ngân sách không hoàn thành theo dự toán; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi trong quá trình thực hiện dự toán. Trước mắt chỉ sử dụng 50% nguồn dự phòng khi chưa xác định dự toán thu cả năm

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính. Thực hiện nghiêm kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đối với các trường hợp vi phạm gây lãng phí tiền, tài sản nhà nước.

- Chỉ đề xuất ban hành chính sách khi thực sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Thực hiện tính đủ chi phí vào giá dịch vụ y tế nhằm giảm chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để dành nguồn chi nâng cao chất lượng cơ sở khám chữa bệnh.

- Tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Chính phủ gắn với thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công.

- Thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội nhất là đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội; đảm bảo cân đối đủ nguồn chi trợ cấp khó khăn, chế độ tiền lương mới theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng, các phụ cấp ngành, nghề cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức, cán bộ xã, phường, thị trấn và các đối tượng chính sách xã hội.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra các khoản chi trong cân đối ngân sách nhà nước, các khoản chi quản lý qua ngân sách nhà nước, các khoản chi từ các quỹ tài chính nhà nước, các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện nghiêm túc công khai dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách hàng quý và cả năm theo quy định của Luật Ngân sách năm 2015.

2. Về chi đầu tư

- Tiếp tục tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đầu tư từ NSNN, trái phiếu Chính phủ và tín dụng ưu đãi. Phân bổ dự toán chi ĐTPT năm 2018 phải thực hiện chặt chẽ theo Luật Đầu tư công, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP. Thực hiện kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư công chặt chẽ, hiệu quả, áp dụng khung đầu tư công trung hạn triệt để đối với các chương trình đầu tư công, nâng cao hiệu quả kinh tế, tập trung đầu tư công cho một số ngành, lĩnh vực trọng điểm. Rà soát, sắp xếp danh mục các công trình, dự án đầu tư phù hợp với khả năng cân đối của nguồn vốn, bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế các dự án khởi công mới. Quyết định đình hoãn các dự án chưa thực sự cấp bách để điều chỉnh cho những công trình có khả năng sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả kinh tế trong năm 2017, các dự án cấp bách phục vụ an sinh xã hội.

- Chủ động giải quyết những vướng mắc khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ nhất là những công trình trọng điểm của tỉnh, các dự án giao thông, thủy lợi, vốn CTMTQG, vốn Trái phiếu Chính phủ. Thực hiện nghiêm túc công tác nghiệm thu theo từng giai đoạn đảm bảo tiến độ giải ngân và thanh toán khối lượng hoàn thành để thanh toán thu hồi tạm ứng đối với các dự án còn nợ kéo dài.

- Thực hiện thông báo công khai số liệu thanh toán định kỳ hàng quý đối với nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản NSNN và vốn TPCP, để các đơn vị nắm được tiến độ giải ngân và có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, Chủ đầu tư trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

3. Về công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn

- Tiếp tục quản lý, điều hành giá cả các mặt hàng do Nhà nước kiểm soát như giá điện, nước, xăng, dầu, sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi, thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình giá cả thị trường trên địa bàn, các tỉnh lân cận, tình hình trong

nước và để triển khai các biện pháp tăng cường kiểm soát chặt chẽ các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng thuộc Nhà nước quản lý giá sản phẩm, dịch vụ theo đơn đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước. Triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về Luật Giá đối với các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý.

- Tổ chức các Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý giá, để phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, các trường hợp vi phạm trong việc niêm yết giá, đăng ký giá.

- Đảm bảo cân đối cung cầu, cung ứng ổn định các mặt hàng quan trọng như: Xăng dầu, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cho đời sống Nhân dân như: Thuốc chữa bệnh, giống, phân bón... không để xảy ra tình trạng gây đột biến về giá.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSDP năm 2017; dự toán và phân bổ dự toán NSDP năm 2018, UBND tỉnh báo cáo, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh uỷ;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát, TAND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải



DANH MỤC PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NSNN NĂM 2017 VÀ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2018

STT	Nội dung
<u>Phần I:</u>	<i>Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi NSDP năm 2017</i>
<i>Biểu số 1</i>	Tình hình thực hiện thu NSDP năm 2017
<i>Biểu số 2</i>	Tình hình thực hiện chi NSDP năm 2017
<u>Phần II:</u>	<i>Dự toán và phân bổ dự toán thu, chi NSDP năm 2018</i>
<i>Biểu số 3</i>	Tổng hợp dự toán thu NSDP năm 2018
<i>Biểu số 4</i>	Tổng hợp dự toán chi NSDP năm 2018
<i>Biểu số 5</i>	Tổng hợp phân bổ dự toán chi NS các đơn vị khối tỉnh quản lý
<i>Biểu số 6</i>	Dự toán thu ngân sách năm 2018 khối huyện, thành phố
<i>Biểu số 7</i>	Dự toán chi ngân sách năm 2018 khối huyện, thành phố



Biểu số 01

BÁO CÁO ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	HĐND GIAO	ƯỚC TH CẢ NĂM	SO SÁNH (%)		
				Ư' TH/HĐND D GIAO	Ư' TH/TW GIAO	Ư' TH/QT NĂM 2016
TỔNG THU NSDP	6.232.038	6.282.038	8.631.000	137%	138%	105%
A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.710.000	1.750.000	1.900.000	109%	111%	103%
<i>Ngân sách ĐP được hưởng</i>	<i>1.625.300</i>	<i>1.665.300</i>	<i>1.837.000</i>	<i>110%</i>	<i>113%</i>	<i>101%</i>
I. Thu nội địa	1.685.000	1.725.000	1.895.000	110%	112%	104%
1. Thu từ DNNN do trung ương quản lý	1.103.400	1.103.440	1.214.000	110%	110%	109%
2. Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN	2.000	2.000	4.300	215%	215%	40%
3. Thu từ DNNN do ĐP quản lý	10.000	10.000	11.000	110%	110%	191%
4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	289.000	289.000	242.000	84%	84%	84%
5. Lệ phí trước bạ	45.000	46.000	54.000	117%	120%	112%
6. Thuế thu nhập cá nhân	20.000	20.000	26.500	133%	133%	117%
7. Thuế bảo vệ môi trường	75.000	75.000	85.000	113%	113%	103%
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>47.100</i>	<i>47.100</i>	<i>50.000</i>	<i>106%</i>	<i>106%</i>	
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>27.900</i>	<i>27.900</i>	<i>35.000</i>	<i>125%</i>	<i>125%</i>	<i>42%</i>
8. Thu phí, lệ phí	19.000	34.050	73.500	216%	387%	150%
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>		<i>1.200</i>	<i>2.500</i>	<i>208%</i>		<i>92%</i>
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>		<i>24.000</i>	<i>55.000</i>	<i>229%</i>		<i>140%</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>		<i>8.850</i>	<i>16.000</i>	<i>181%</i>		<i>235%</i>
9. Tiền sử dụng đất	50.000	72.300	109.000	151%	218%	92%
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>		<i>21.690</i>	<i>32.700</i>	<i>151%</i>		<i>92%</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>		<i>50.610</i>	<i>76.300</i>	<i>151%</i>		<i>92%</i>
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	6.000	7.610	11.300	148%	188%	135%
11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	9.000	9.000	2.500	28%	28%	145%
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>4.900</i>	<i>4.900</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>	<i>0%</i>	
- <i>Ngân sách địa phương hưởng</i>	<i>4.100</i>	<i>4.100</i>	<i>2.500</i>	<i>61%</i>	<i>61%</i>	<i>145%</i>
12. Thu khác ngân sách	31.000	31.000	35.500	115%	115%	79%
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>		<i>6.500</i>	<i>5.000</i>	<i>77%</i>		<i>124%</i>
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>		<i>12.000</i>	<i>20.000</i>	<i>167%</i>		<i>85%</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>		<i>12.500</i>	<i>10.500</i>	<i>84%</i>		<i>59%</i>
13. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích	600	600	1.400	233%	233%	178%
14. Thu xổ số kiến thiết	25.000	25.000	25.000	100%	100%	93%
II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	25.000	25.000	5.000	20%	20%	26%

NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	HĐND GIAO	ƯỚC TH CẢ NĂM	SO SÁNH (%)		
				Ư' TH/HĐND D GIAO	Ư' TH/TW GIAO	Ư' TH/QT NĂM 2016
<u>B. THU TRỢ CẤP</u>	<u>4.606.738</u>	<u>4.606.738</u>	<u>5.028.444</u>	<u>109%</u>	<u>109%</u>	<u>106%</u>
1. Bổ sung cân đối	3.777.363	3.777.363	3.777.363	100%	100%	129%
2. Bổ sung có mục tiêu	360.158	360.158	758.258	211%	211%	55%
- Trong đó: <i>Vốn TPCP</i>			261.500			
3. Bổ sung thực hiện các CTMTQG	469.217	469.217	492.823	105%	105%	120%
<u>C. THU CHUYỂN NGUỒN</u>			<u>1.687.638</u>			<u>106%</u>
<u>D. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN</u>		<u>10.000</u>	<u>10.000</u>	<u>100%</u>		<u>29%</u>
1. Thu học phí		4.000	4.000	100%		67%
2. Thu ủng hộ, đóng góp		6.000	6.000	100%		21%
<u>E. THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN</u>			<u>5.618</u>			<u>9%</u>
1. Ngân sách TW hưởng			0			0%
2. Ngân sách địa phương hưởng			5.618			9%
<u>F. THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH</u>			<u>62.300</u>			<u>210%</u>



Biểu số 02

BÁO CÁO ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước TH năm 2017	So sánh (%)	
				Ư' TH/DT	Ư' TH/QT 2016
	TỔNG CHI NSDP	6.543.538	8.631.000	132%	104%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	5.311.963	5.404.518	102%	105%
I	Chi đầu tư phát triển	572.920	566.720	99%	98%
	Trong đó:				
1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn	572.920	566.720	99%	98%
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	475.620	475.620	100%	131%
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	72.300	66.100	91%	195%
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000	25.000	100%	75%
2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực	572.920	566.720	99%	98%
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	175.836	175.836	100%	
b	Chi khoa học và công nghệ	25.851	25.851	100%	
c	Chi quốc phòng	2.810	2.810	100%	
d	Chi an ninh	4.813	4.813	100%	
đ	Chi y tế, dân số và gia đình	22.677	22.677	100%	
e	Chi văn hóa thông tin	1.250	1.250	100%	
g	Chi phát thanh, truyền hình	1.098	1.098	100%	
h	Chi thể dục thể thao	4.028	4.028	100%	
i	Chi bảo vệ môi trường	1.000	1.000	100%	
k	Chi hoạt động kinh tế	249.403	249.403	100%	
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	34.184	34.184	100%	
m	Chi bảo đảm xã hội	15.324	15.324	100%	
n	Chi khác	34.646	28.446	82%	
II	Chi thường xuyên	4.604.738	4.703.580	102%	105%
a	Chi hoạt động kinh tế	515.579	592.621	115%	105%
b	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.055.198	2.055.198	100%	104%
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	661.003	661.003	100%	110%
d	Chi khoa học và công nghệ	8.210	8.210	100%	183%
đ	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	63.526	63.526	100%	162%
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	44.796	44.796	100%	132%
g	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	15.365	15.365	100%	186%
h	Chi bảo đảm xã hội	71.344	89.444	125%	131%
i	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	584.843	588.543	101%	98%
k	Chi quốc phòng	84.552	84.552	100%	104%
l	Chi an ninh	24.325	24.325	100%	110%

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước TH năm 2017	So sánh (%)	
				ƯTH/DT	ƯTH/QT 2016
m	Ngân sách xã	443.387	443.387	100%	98%
n	Chi khác	32.610	32.610	100%	158%
III	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	300	213	71%	105%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100%	100%
V	Dự phòng ngân sách	108.050	108.050	100%	
VI	Chênh lệch tăng thu giữa DTTW giao với DTĐP chưa bố trí nhiệm vụ chi	24.955	24.955	100%	
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	826.375	818.666	99%	67%
I	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	469.217	419.652	89%	137%
1	Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững	335.817	318.562	95%	123%
	Vốn đầu tư	220.532	200.123	91%	189%
	Vốn sự nghiệp	115.285	118.439	103%	78%
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới	133.400	101.090	76%	234%
	Vốn đầu tư	110.000	74.890	68%	261%
	Vốn sự nghiệp	23.400	26.200	112%	181%
II	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	357.158	399.014	112%	44%
1	Bổ sung có mục tiêu XDCB	329.686	371.542	113%	44%
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội các vùng	256.202	256.202	100%	56%
	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	16.122	16.122	100%	124%
	Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trọng điểm	22.118	22.118	100%	225%
	Chương trình tái cơ cấu kinh tế NN và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	8.100	8.100	100%	96%
	Dự phòng ngân sách trung ương		29.000		48%
	Ứng phó biến đổi khí hậu (Vốn nước ngoài)	27.144	40.000	147%	165%
2	Bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp	27.472	27.472	100%	38%
	Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ hội LHPN các cấp	100	100	100%	25%
	Chính sách trợ giúp pháp lý Quyết định 32/2016/QĐ-TTg	572	572	100%	
	Đề án phát triển KTXH vùng dân tộc rất ít người	23.170	23.170	100%	87%
	Hỗ trợ từ vốn nước ngoài	3.630	3.630	100%	51%
C	CHI TRẢ NỢ VỐN VAY TỪ NGUỒN BỘI THU NSĐP	133.700	133.700	100%	121%
D	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	261.500	250.000	96%	303%



STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước TH năm 2017	So sánh (%)	
				ƯTH/DT	ƯTH/QT 2016
E	CHI QUẢN LÝ QUA NSNN	10.000	10.000	100%	38%
F	CHI THANH TOÁN TỪ NGUỒN CN SANG NĂM 2017		843.819		
G	CHI THANH TOÁN TỪ NGUỒN KẾT DƯ NĂM 2016		62.300		
H	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2018		1.107.998		66%



GIAO DỰ TOÁN THU NSĐP NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	ĐỊA PHƯƠNG GIAO	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
TỔNG THU NSĐP	7.479.775	7.728.775	7.343.975	3.624.102
A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.706.000	1.950.000	1.461.200	488.800
<i>Ngân sách ĐP được hưởng</i>	<i>1.630.020</i>	<i>1.869.020</i>	<i>1.484.220</i>	<i>384.800</i>
I. Thu nội địa	1.701.000	1.940.000	1.451.200	488.800
1. Thu từ DNNN do trung ương quản lý	1.093.000	1.150.000	1.150.000	0
2. Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN	2.000	2.000	2.000	0
3. Thu từ DNNN do ĐP quản lý	8.300	9.500	9.500	0
4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	243.500	316.700	132.200	184.500
5. Lệ phí trước bạ	56.000	56.000	0	56.000
6. Thuế thu nhập cá nhân	24.000	24.000	9.600	14.400
7. Thuế bảo vệ môi trường	92.000	92.000	92.000	0
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>57.800</i>	<i>57.800</i>	<i>57.800</i>	<i>0</i>
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>34.200</i>	<i>34.200</i>	<i>34.200</i>	<i>0</i>
8. Thu phí, lệ phí	60.000	65.000	3.000	62.000
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>1.150</i>	<i>1.350</i>
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>48.850</i>	<i>53.850</i>	<i>1.850</i>	<i>52.000</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	<i>8.650</i>	<i>8.650</i>	<i>0</i>	<i>8.650</i>
9. Tiền sử dụng đất	50.000	142.500	0	142.500
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>15.000</i>	<i>42.750</i>	<i>0</i>	<i>42.750</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	<i>35.000</i>	<i>99.750</i>	<i>0</i>	<i>99.750</i>
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	7.000	7.000	0	7.000
11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	8.500	8.500	8.500	0
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>5.180</i>	<i>5.180</i>	<i>5.180</i>	<i>0</i>
- <i>Ngân sách địa phương hưởng</i>	<i>3.320</i>	<i>3.320</i>	<i>3.320</i>	<i>0</i>
12. Thu khác ngân sách	30.000	40.000	18.400	21.600
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>5.500</i>	<i>5.500</i>	<i>5.500</i>	<i>0</i>
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>11.500</i>	<i>20.800</i>	<i>12.900</i>	<i>7.900</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	<i>13.000</i>	<i>13.700</i>	<i>0</i>	<i>13.700</i>
13. Thu cố định tại xã	700	800	0	800
14. Thu xổ số kiến thiết	26.000	26.000	26.000	0
II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	5.000	10.000	10.000	0

NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	ĐỊA PHƯƠNG GIAO	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
<u>B.THU TRỢ CẤP</u>	<u>5.849.755</u>	<u>5.849.755</u>	<u>5.849.755</u>	<u>3.239.302</u>
1. Bổ sung cân đối	3.777.363	3.777.363	3.777.363	2.899.637
2. Bổ sung có mục tiêu	1.621.973	1.621.973	1.621.973	339.665
3. Bổ sung thực hiện các CTMTQG	450.419	450.419	450.419	0
<u>C.CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN</u>	<u>0</u>	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>	<u>0</u>
1. Thu học phí	0	4.000	4.000	0
2. Thu ủng hộ, đóng góp	0	6.000	6.000	0

GIAO DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2018		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
	TỔNG CHI NSDP	7.728.775	4.104.673	3.624.102
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	5.851.089	2.295.992	3.555.097
I	Chi Đầu tư phát triển	769.420	508.455	260.965
1	Chi XD CB tập trung (vốn trong nước)	540.920	379.705	161.215
	- Cân đối ngân sách huyện, thành phố	126.920		126.920
	- Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng chè	34.295		34.295
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	142.500	42.750	99.750
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000	26.000	0
4	Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao	60.000	60.000	0
II	CHI TRẢ NỢ LÃI	300	300	0
III	Chi thường xuyên:	4.929.362	1.678.404	3.250.958
1	Chi sự nghiệp kinh tế	580.054	167.652	412.402
	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp	125.167	17.481	107.686
	Tr.đó: + Kinh phí thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND	43.700	0	43.700
	+ Đề án phát triển vùng chè tập trung	52.280	0	52.280
	+ Đề án phát triển cây Sơn tra	2.846	0	2.846
	- Sự nghiệp giao thông	105.963	73.963	32.000
	+ Chi Quỹ bảo trì đường bộ địa phương	73.963	73.963	0
	- Sự nghiệp thủy lợi	70.441	29.659	40.782
	Tr.đó: Cấp bù miễn thủy lợi phí	27.055	10.073	16.982
	- Sự nghiệp kinh tế khác	278.483	46.549	231.934
	Tr.đó: + Chăm sóc cây xanh đô thị	11.000	0	11.000
	+ Kinh phí sự nghiệp môi trường	45.054	5.854	39.200
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.246.524	321.911	1.924.613
	- Sự nghiệp giáo dục	2.127.905	253.183	1.874.722
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	118.619	68.728	49.891
	Tr.đó: + Đào tạo theo Nghị quyết + CS thu hút	15.418	6.911	8.507

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2018		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
	+ Đào tạo nghề cho nông dân theo Nghị quyết giai đoạn 2011-2020	5.517	0	5.517
	+ Thực hiện chính sách học sinh cử tuyển	5.000	5.000	0
3	<u>Chi sự nghiệp y tế</u>	642.113	642.113	0
	Tr.đó: + Kinh phí KCB người nghèo và người dân tộc thiểu số	206.957	206.957	0
4	<u>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</u>	8.263	8.263	0
5	<u>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</u>	60.167	30.064	30.103
6	<u>Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình</u>	48.328	18.806	29.522
7	<u>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</u>	12.946	8.496	4.450
8	<u>Chi đảm bảo xã hội</u>	73.067	17.461	55.606
9	<u>Chi quản lý hành chính</u>	596.727	333.312	263.415
	- Quản lý nhà nước	387.529	232.706	154.823
	- Chi Ngân sách Đảng	144.441	67.577	76.864
	- Đoàn thể và các tổ chức xã hội	64.757	33.029	31.728
10	<u>Chi Quốc phòng - An ninh địa phương</u>	144.372	102.176	42.196
	- Chi giữ gìn AN & TT an toàn xã hội	31.568	26.240	5.328
	Tr.đó: Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU	8.160	7.000	1.160
	- Chi quốc phòng địa phương	112.804	75.936	36.868
	Tr.đó: Diễn tập phòng thủ	22.800	21.000	1.800
11	<u>Chi ngân sách xã</u>	476.669	0	476.669
	Tr.đó: - KP thực hiện chính sách người uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg	1.070	0	1.070
	- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg	14.574	0	14.574
	- Kinh phí thực hiện Đề án phát triển KTXH, đảm bảo QP-AN giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết 51/2016/NQ-HĐND	13.745	0	13.745
	- Nâng cấp sửa chữa trụ sở xã và mua sắm trang thiết bị theo Nghị Quyết số 07-NQ/TU ngày 30/9/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh	24.800	0	24.800
12	<u>Chi khác ngân sách</u>	40.132	28.150	11.982
	Trong đó: Liên đoàn Lao động tỉnh	3.050	3.050	0
	- Văn phòng Đoàn ĐBQH	1.000	1.000	0
	- Quỹ thi đua khen thưởng cấp tỉnh	8.000	8.000	0
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ hội nông dân	2.000	2.000	0



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2018		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
	- Viện Kiểm sát tỉnh	100	100	0
	- Kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg	1.000	1.000	0
	- Chi bổ sung quỹ hỗ trợ phát triển HTX	2.000	2.000	0
	- Bổ sung Quỹ cho vay người nghèo và đối tượng chính sách	10.000	10.000	0
	- Hỗ trợ cấp bù lãi suất cho vay người nghèo và đối tượng chính sách theo Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND	1.000	1.000	0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0
V	Dự kiến tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi	40.237	40.237	0
VI	Dự phòng ngân sách	110.770	67.596	43.174
B	CHI TRẢ NỢ GỐC TỪ BÔI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	68.700	68.700	0
C	CHI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG	450.419	450.419	0
I	Chương trình Giảm nghèo nhanh và bền vững	292.119	292.119	0
1	Vốn đầu tư	196.700	196.700	0
2	Vốn sự nghiệp	95.419	95.419	0
II	Chương trình Xây dựng nông thôn mới	158.300	158.300	0
1	Vốn đầu tư	112.100	112.100	0
2	Vốn sự nghiệp	46.200	46.200	0
D	CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC	1.348.567	1.279.562	69.005
I	Bổ sung mục tiêu (vốn ĐT XD CB)	1.198.265	1.198.265	0
II	Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)	150.302	81.297	69.005
1	Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật và Hội Nhà báo địa phương; mua thiết bị chiếu phim và ô tô chuyên dụng	1.170	1.170	0
2	Chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg	587	587	0
3	Đề án phát triển KTXH vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg	23.170	3.854	19.316
4	Vốn chuẩn bị động viên	10.000	10.000	0
5	Bổ sung thực hiện một số Chương trình mục tiêu	16.846	16.846	0
5.1	CTMT giáo dục nghề nghiệp việc làm và an toàn lao động	3.535	3.535	0
5.2	CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	1.298	1.298	0
5.3	CTMT Y tế dân số	8.703	8.703	0
5.4	CTMT phát triển văn hóa	1.590	1.590	0

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2018		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
5.5	CTMT đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	1.720	1.720	0
6	Hỗ trợ từ vốn nước ngoài	48.840	48.840	0
7	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện	19.519	0	19.519
8	Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020	30.170	0	30.170
E	<u>CHI TỪ CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN</u>	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>	<u>0</u>
1	Chi từ học phí	4.000	4.000	0
2	Chi từ nguồn thu ủng hộ, đóng góp	6.000	6.000	0

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018
CÁC ĐƠN VỊ KHỎI TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ	4.104.673	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	2.295.992	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	508.455	
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	379.705	Có Quyết định phân bổ vốn đầu tư riêng
2	Chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất	42.750	
2.1	Kinh phí thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ	500	Giao dự toán về Sở Nội vụ
2.2	-Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu đất đai huyện Sin Hồ, Phong Thổ, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất - Điều tra tài nguyên nước mặt, điều tra thoái hóa đất	42.250	Giao dự toán về Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000	Có Quyết định phân bổ vốn đầu tư riêng
4	Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao năm 2018	60.000	Có Quyết định phân bổ vốn đầu tư riêng
II	CHI TRẢ NỢ LÃI	300	
III	CHI THƯỜNG XUYÊN	1.678.404	
I	Sự nghiệp kinh tế	167.652	
1.1	Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp	17.481	Giao dự toán về Sở NN & PTNT
	- Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	5.101	
	- Chi cục chăn nuôi và thú y	5.730	
	- Trung tâm khuyến nông	2.734	
	- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản	1.416	
	- Ban quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2	2.500	
1.2	Sự nghiệp giao thông	73.963	
	- Chi Quỹ bảo trì đường bộ địa phương	73.963	
1.3	Sự nghiệp thủy lợi:	29.659	
	- Chi cục thủy lợi	275	Kinh phí phòng chống lụt bão (Giao dự toán về Sở NN và PTNT)
	- Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	9.311	Giao dự toán về Sở NN và PTNT
	- Cấp bù miễn thủy lợi phí	10.073	Công ty TNHH một thành viên QL thủy nông Lai Châu
	- Kinh phí duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi	10.000	Công ty TNHH một thành viên quản lý thủy nông Lai Châu
1.4	Sự nghiệp kinh tế khác	46.549	
	- Sự nghiệp môi trường	5.854	
	+ Trung tâm Quan trắc	2.174	Giao dự toán về Sở Tài nguyên và Môi trường: Trong đó kinh phí quan trắc hiện trạng môi trường theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND tỉnh là 1.301 triệu đồng.
	+ BQL trung tâm hành chính chính trị tỉnh	3.680	
	- Sự nghiệp tài nguyên	5.335	Giao dự toán về Sở Tài nguyên và Môi trường
	+ Văn phòng sở	210	
	+ Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường	1.296	

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	+ Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	887	
	+ Trung tâm phát triển quỹ đất	1.692	
	+ Văn phòng đăng ký đất đai	1.250	
	- Hoạt động SN của BQL khu kinh tế MLT	5.908	Giao dự toán về Ban quản lý KTCK Ma Lò Thàng
	- Trung tâm tư vấn dịch vụ tài chính	894	Giao dự toán về Sở Tài chính
	- Trung tâm khuyến công & xúc tiến thương mại	1.994	Giao dự toán về Sở Công thương
	- Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	1.551	Giao dự toán về Tỉnh đoàn thanh niên
	- BQL trung tâm hành chính chính trị tỉnh	13.694	
	- Chi cục Lưu trữ	880	Giao dự toán về Sở Nội vụ
	- Trung tâm xúc tiến đầu tư	1.325	Giao dự toán về Sở Kế hoạch và Đầu tư
	- Phòng công chứng số 1	115	Giao dự toán về Sở Tư pháp
	- Trung tâm trợ giúp pháp lý	778	Giao dự toán về Sở Tư pháp
	- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản	229	Giao dự toán về Sở Tư pháp
	- Trung tâm công báo	981	Giao dự toán về Văn phòng UBND tỉnh
	- Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	2.654	Giao dự toán về Sở Thông tin & TT
	- Trung tâm công nghệ thông tin & truyền thông	1.585	Giao dự toán về Sở Thông tin & TT
	- Trung tâm phát hành sách và Văn hoá phẩm	1.315	Giao dự toán về Sở Thông tin&TT
	- Trung tâm dịch vụ việc làm	1.007	Giao dự toán về Sở lao động Thương binh và xã hội
	- Trung tâm giám định chất lượng công trình XD	450	Giao dự toán về Sở Xây dựng
2	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	321.911	
2.1	Sự nghiệp giáo dục	253.183	Giao dự toán về Sở GD&ĐT
	- Văn phòng Sở giáo dục và Đào tạo	56.320	Trong đó: Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND: 34.710 triệu đồng.
	- Hội khuyến học	569	
	- Khối Trung học phổ thông	103.996	
	- Khối Trung tâm giáo dục thường xuyên	3.487	
	- Khối Trường phổ thông dân tộc nội trú	88.811	
2.2	Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề	68.728	
	- Trường trung cấp y tế	3.189	Giao dự toán về Sở Y Tế
	- Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú	17.382	Giao dự toán về Sở Lao động TB và XH
	- Trường chính trị tỉnh	7.262	Trong đó: Kinh phí thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND: 1.000 triệu đồng.
	- Trường Cao Đẳng cộng đồng	17.565	
	- Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân	1.419	Giao dự toán về Hội Nông dân
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC,VC	5.000	Phân bổ chi tiết sau
	- Thực hiện chính sách học sinh cử tuyển	5.000	Giao dự toán về Sở Nội vụ
	- Đào tạo thu hút khối Đảng	1.911	Giao dự toán về Ngân sách Đảng tỉnh
	- Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND	10.000	Phân bổ chi tiết sau
3	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	642.113	
3.1	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do Sở Y tế quản lý	371.518	
	- Bệnh viện đa khoa tỉnh	58.041	
	- Bệnh viện y học cổ truyền	5.975	
	- Bệnh viện Lao - Phổi	7.916	
	- Trung tâm y tế dự phòng tỉnh	9.326	
	- Trung tâm phòng chống bệnh xã hội	6.970	

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	- Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	6.038	
	- Trung tâm Nội tiết tinh	2.989	
	- Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	4.168	
	- Trung tâm kiểm nghiệm thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	5.813	
	- Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe	2.012	
	- Trung tâm phòng chống sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng	3.188	
	- Trung tâm Pháp y	2.325	
	- Trung tâm y tế huyện Tam Đường	23.076	
	- Trung tâm y tế huyện Phong Thổ	29.854	
	- Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	22.876	
	- Trung tâm y tế huyện Than Uyên	27.832	
	- Trung tâm y tế huyện Sin Hồ	32.973	
	- Trung tâm y tế huyện Mường Tè	22.086	
	- Trung tâm y tế dự phòng thành phố Lai Châu	7.701	
	- Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn	13.924	
	- Sự nghiệp dân số KHHGD	4.005	
	- Thực hiện chế độ phụ cấp nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản	10.023	
	- Đối ứng các DA viện trợ nước ngoài	1.700	Gồm các Dự án: DA hỗ trợ hệ thống y tế do quỹ toàn cầu phòng chống HIV/AIDS; DA phòng chống sốt rét do quỹ toàn cầu tài trợ; DA phát triển nông thôn dựa vào kết quả (Dự án Jaica); Dự án an ninh y tế khu vực
	- Cơ sở cai nghiện methadone	1.953	
	- Lương cán bộ hợp đồng	18.348	
	- Đề án, dự án, Nghị quyết	40.406	Trong đó đã bao gồm kinh phí thực hiện các: Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế cơ sở giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh; Đề án đào tạo bác sỹ, dược sỹ đại học, bác sỹ chuyên khoa I, II theo Quyết định 1109/2010/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 giai đoạn 2010-2020; Đề án đảm bảo tài chính cho triển khai các hoạt động phòng chống HIV/AIDS theo Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh; Đề án triển khai điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone theo Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 của UBND tỉnh; Đề án công tác dân số Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2016-2020 Quyết định 28/2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016; Đề án mất cân bằng giới theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh; Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND tỉnh.
3.2	Ban quản lý Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	14.347	Giao dự toán về Sở Y tế
	- Tiền ăn cho bệnh nhân nghèo, hỗ trợ đi lại cho bệnh nhân nghèo.	14.347	
3.3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	256.248	Chi mua BHYT cho người nghèo và người dân tộc thiểu số vùng khó khăn; người sống ở vùng ĐBKK; BHYT trẻ em dưới 6 tuổi; BHYT cho đối tượng cận nghèo; BHYT cho đối tượng học sinh, sinh viên, BHYT cho đối tượng nông lâm ngư nghiệp
4	Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	8.263	
	- Trung tâm tin học thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	706	Giao dự toán về Sở Khoa học & CN

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	- Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	629	Giao dự toán về Sở Khoa học & CN
	- Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	147	Giao dự toán về Sở Khoa học & CN
	- Sự nghiệp khoa học	6.781	Phân bổ chi tiết sau
5	Sự nghiệp VH-TT	30.064	
	- Trung tâm phát hành phim và Chiếu bóng	4.119	Giao dự toán về Sở Văn hoá, thể thao và du lịch
	- Đoàn nghệ thuật	7.905	Giao dự toán về Sở Văn hoá, thể thao và du lịch
	- Trung tâm văn hoá, thông tin triển lãm	3.362	Giao dự toán về Sở Văn hoá, thể thao và du lịch
	- Thư viện tỉnh	1.614	Giao dự toán về Sở Văn hoá, thể thao và du lịch
	- Bảo tàng tỉnh	2.028	Giao dự toán về Sở Văn hoá, thể thao và du lịch
	- Trung tâm thông tin và xúc tiến du lịch	1.036	Giao dự toán về Sở Văn hoá, thể thao và du lịch
	- Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 241-QĐ/TU ngày 30/9/2016	10.000	Phân bổ chi tiết sau
6	Sự nghiệp phát thanh - truyền hình	18.806	Giao dự toán về Đài phát thanh - truyền hình tỉnh
	- Đài phát thanh truyền hình tỉnh	18.806	
7	Sự nghiệp TDTT	8.496	Giao dự toán về Sở Văn hoá thể thao và du lịch
	- Trung tâm huấn luyện năng khiếu TDTT	8.496	
8	Đảm bảo xã hội	17.461	Giao dự toán về Sở Lao động TB&XH
8.1	Giao dự toán về Sở lao động TB&XH	17.461	
	- Văn phòng sở	5.072	
	- Trung tâm điều trị cai nghiện bắt buộc	3.785	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU: 1.200 triệu đồng.
	- Trung tâm bảo trợ xã hội	5.699	
	- Trung tâm đón tiếp thân nhân Liệt sỹ, điều dưỡng người có công cách mạng	2.153	
	- Quỹ bảo trợ trẻ em	752	
9	Quản lý hành chính	333.312	
9.1	Quản lý Nhà nước	232.706	
	- Sở kế hoạch & Đầu tư	6.575	
	- Thanh tra tỉnh	8.880	Trong đó: Kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra: 780 tr.đồng. Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thanh tra trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 là: 2.000 triệu đồng.
	- Sở khoa học & công nghệ	3.813	
	+ Văn phòng sở	2.875	
	+ Chi cục đo lường chất lượng	938	
	- Sở Nội vụ	11.073	
	+ Văn phòng sở	8.795	Trong đó: Kinh phí thực hiện chương trình cải cách hành chính: 2.000 triệu đồng, kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra: 90 tr.đồng
	+ Ban thi đua khen thưởng	1.520	
	+ Chi cục lưu trữ	758	
	- Sở Tài chính	11.988	Trong đó: Kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra: 240 tr.đồng
	- Sở Lao động TB&XH	7.881	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU: 176 triệu đồng.
	- Sở Giao thông vận tải	10.933	
	+ Văn phòng sở	7.488	
	+ Thanh tra GTVT	3.445	
	- Sở xây dựng	5.114	

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	+ Văn phòng sở	4.439	
	+ Chi cục giám định chất lượng công trình XD	675	
	- Sở Công thương	11.589	
	+ Văn phòng sở	4.590	
	+ Chi cục quản lý thị trường	6.999	
	- Sở nông nghiệp và PTNT	49.847	
	+ Văn phòng sở	5.290	
	+ Chi cục thủy lợi	2106	
	+ Chi cục phát triển Nông thôn	1.828	
	+ Chi cục Kiểm lâm	34.130	
	+ Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	2.185	
	+ Chi cục chăn nuôi và thú y	2.159	
	+ Chi cục QLCL nông lâm sản	1.431	
	+ Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp tỉnh	718	
	- Sở Tư pháp	5.762	Trong đó: Kinh phí đẩy mạnh nội dung cơ bản và những quy định quan trọng của Công ước ICCPR về các quyền dân sự, chính trị : 258 tr.đồng. Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên sóng phát thanh truyền hình bằng 3 thứ tiếng (Việt, Thái, Mông) 267 tr.đồng
	- Sở Ngoại vụ	7.261	Trong đó: Chi Đoàn ra, Đoàn vào: 4.000 tr.đồng.
	- Ban Dân tộc	3.873	Trong đó: Kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra: 150 trđ, Kinh phí thực hiện chính sách đối với người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số: 700 tr.đồng
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	19.100	
	- Văn phòng HĐND tỉnh	12.498	
	- Sở Giáo dục và đào tạo	7.648	
	- Sở Y tế	9.076	
	+ Văn phòng sở	5.252	
	+ Chi cục dân số KHHGD tỉnh	1.866	
	+ Chi cục vệ sinh ATTP	1.958	
	- Sở VH, TT và Du lịch	14.743	Trong đó: Kinh phí thực hiện Đề án đào tạo nâng khiêu thể dục thể thao cho vận động viên có thành tích cao: 2.288 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Đề án phát triển du lịch theo giai đoạn 2016-2020 là: 3.000 triệu đồng.
	- Sở Tài nguyên môi trường	6.203	
	+ Văn phòng sở	5.183	
	+ Chi cục môi trường	1.020	
	- Ban QL khu kinh tế cửa khẩu	7.665	
	- Sở thông tin và truyền thông	9.965	Trong đó: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 36-NQ/TW: 5.000 triệu đồng.
	- Ban An toàn giao thông	1.219	
9.2	Ngân sách Đảng tỉnh	67.577	Trong đó: Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng phòng truyền thống Tỉnh ủy theo Quyết định số 546-QĐ/TU ngày 26/9/2017 là: 1.000 triệu đồng.
9.3	Đoàn thể và các tổ chức xã hội	33.029	

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	- Hội cựu chiến binh	2.448	
	- Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	4.086	
	- Tỉnh đoàn thanh niên	5.639	
	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	6.011	
	- Hội nông dân tỉnh	4.958	
	- Hội luật gia	766	
	- Hội chữ thập đỏ	2.517	
	- Ban chấp hành hội người cao tuổi	1.559	
	- Hội nhà báo	423	
	- Hội văn học nghệ thuật	1.376	
	- Liên minh hợp tác xã	2.082	
	- Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị	309	Giao dự toán về Sở Ngoại vụ
	- Hội cựu thanh niên xung phong	516	Giao dự toán về Tỉnh đoàn thanh niên
	- Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật	339	
10	Quốc phòng - An ninh	102.176	
	- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	70.763	Trong đó: Kinh phí thực hiện Đề án tổ chức, xây dựng và hoạt động của lực lượng quân báo trinh sát tại tỉnh Lai Châu: 988 triệu đồng. -Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU: 863 triệu đồng. -Kinh phí cải tạo hàng động làm đường hầm SCH trong CCCĐ-CCHP và xây dựng hầm trú ẩn trong KVPT then chốt của tỉnh Lai Châu: 3.000 triệu đồng.
	- Công an tỉnh	26.240	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU: 5.601 triệu đồng.
	- Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng	5.173	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU: 1.500 triệu đồng.
11	Chi khác ngân sách	28.150	
	- Liên đoàn lao động tỉnh	3.050	Trong đó: Kinh phí thực hiện Đề án đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020: 105 triệu đồng.
	- VP Đoàn ĐBQH	1.000	
	- Quỹ thi đua khen thưởng cấp tỉnh	8.000	Giao dự toán về Sở Nội vụ
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ hội nông dân	2.000	Giao về Hội nông dân tỉnh
	- Kinh phí thực hiện Chi thị số 01/2005/CT-TTg	1.000	Giao dự toán ngân sách Đảng tỉnh
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã	2.000	Giao Liên minh hợp tác xã thực hiện, quản lý
	- Bổ sung Quỹ cho vay người nghèo và đối tượng chính sách	10.000	Giao về ngân hàng chính sách
	- Hỗ trợ cấp bù lãi suất cho vay người nghèo và đối tượng chính sách theo Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND	1.000	Giao về ngân hàng chính sách
	- Viện Kiểm sát tỉnh	100	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	
V	Dự kiến tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi	40.237	
VI	Dự phòng Ngân sách	67.596	
B	CHI TRẢ NỢ GỐC TỪ BÔI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	68.700	
C	CHI THỰC HIỆN CÁC CTMTQG	450.419	Có Quyết định phân bổ chi tiết riêng
I	Chương trình Giảm nghèo nhanh và bền vững	292.119	
1	Vốn đầu tư	196.700	
2	Vốn sự nghiệp	95.419	

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
II	Chương trình Xây dựng nông thôn mới	158.300	
1	Vốn đầu tư	112.100	
2	Vốn sự nghiệp	46.200	
D	CHI TIẾT MỘT SỐ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ #	1.279.562	
I	Bổ sung mục tiêu (vốn ĐT XD CB)	1.198.265	Có Quyết định phân bổ chi tiết riêng
	<i>Trong đó: Vốn trái phiếu chính phủ</i>	<i>544.000</i>	
II	Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)	81.297	
1	Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật và Hội Nhà báo địa phương; mua thiết bị chiếu phim và ô tô chuyên dụng	1.170	Giao dự toán về Hội Văn học nghệ thuật: 240 triệu đồng; Giao dự toán về Hội Nhà báo: 45 triệu đồng; Giao dự toán về Sở Văn hóa thể thao và Du lịch: 885 triệu đồng.
2	Chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg	587	Giao dự toán về Sở Tư pháp
3	Đề án phát triển KTXH vùng các dân tộc Mảng, La Hù, Cống theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg	3.854	
	<i>- Kinh phí quản lý đề án</i>	<i>463</i>	<i>Giao dự toán về Ban Dân tộc</i>
	<i>- Hỗ trợ người dân đảm bảo các điều kiện để phát triển sản xuất</i>	<i>1.160</i>	<i>Giao dự toán về Ban Dân tộc</i>
	<i>- Hỗ trợ học sinh khối Trung học phổ thông là con hộ nghèo người dân tộc La Hù</i>	<i>2.231</i>	<i>Giao dự toán về Sở Giáo dục & Đào tạo</i>
4	Vốn chuẩn bị động viên	10.000	Giao dự toán về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
5	Bổ sung thực hiện một số Chương trình mục tiêu	16.846	
5.1	CTMT giáo dục nghề nghiệp việc làm và an toàn lao động	3.535	Giao dự toán về Sở Lao động thương binh và Xã hội
5.2	CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	1.298	Giao dự toán về Sở Lao động thương binh và Xã hội
5.3	CTMT Y tế dân số	8.703	Giao dự toán về Sở Y tế
5.4	CTMT phát triển văn hóa	1.590	Giao dự toán về Sở Văn hóa thể thao và Du lịch
5.5	CTMT đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	1.720	Giao dự toán về Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh: 500 triệu đồng Giao dự toán về Công an tỉnh là 1.220 triệu đồng.
6	Hỗ trợ từ vốn nước ngoài	48.840	
6.1	Chương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế giai đoạn	36.100	Giao dự toán về Sở Y tế
6.2	Vốn vay viện trợ ghi thu, ghi chi	12.740	
E	CHI TỪ CÁC KHOẢN THU ĐỀ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN	10.000	
1	Chi từ học phí	4.000	
2	Chi từ nguồn thu ủng hộ, đóng góp	6.000	

GIAO DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2018
KHỐI HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)



Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG THU	Tổng thu NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
TỔNG THU NSDP	3.624.102	411.606	550.800	629.288	295.317	484.308	463.927	415.374	373.482
A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	488.800	26.900	83.050	22.450	29.100	39.850	50.500	47.750	189.200
<i>Ngân sách ĐP được hưởng</i>	384.800	23.600	29.350	20.700	26.950	36.100	44.400	40.600	163.100
I. Thu nội địa	488.800	26.900	83.050	22.450	29.100	39.850	50.500	47.750	189.200
1. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	184.500	11.000	19.000	13.000	20.000	25.000	25.000	18.500	53.000
2. Lệ phí trước bạ	56.000	3.000	5.000	2.600	1.000	2.200	3.700	3.500	35.000
3. Thuế thu nhập cá nhân	14.400	950	800	550	400	900	1.700	1.100	8.000
4. Thu phí, lệ phí	62.000	700	53.000	600	400	1.000	1.700	1.200	3.400
<i>- Ngân sách trung ương hưởng</i>	1.350	100	100	100	50	150	200	200	450
<i>- Ngân sách tỉnh hưởng</i>	52.000		52.000						
<i>- Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	8.650	600	900	500	350	850	1.500	1.000	2.950
5. Tiền sử dụng đất	142.500	9.000	2.000	4.500	6.000	7.000	13.000	20.500	80.500
<i>- Ngân sách tỉnh hưởng</i>	42.750	2.700	600	1.350	1.800	2.100	3.900	6.150	24.150
<i>- Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	99.750	6.300	1.400	3.150	4.200	4.900	9.100	14.350	56.350
6. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	7.000	200	200	100	200	200	200	900	5.000
7. Thu khác ngân sách	21.600	2.000	3.000	1.100	1.000	3.500	5.000	2.000	4.000
<i>- Ngân sách tỉnh hưởng</i>	7.900	500	1.000	300	300	1.500	2.000	800	1.500
<i>- Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	13.700	1.500	2.000	800	700	2.000	3.000	1.200	2.500
8. Thu cố định tại xã	800	50	50	0	100	50	200	50	300
B. THU TRỢ CẤP	3.239.302	388.006	521.450	608.588	268.367	448.208	419.527	374.774	210.382

NỘI DUNG THU	Tổng thu NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
1. Bổ sung cân đối	2.899.637	360.087	505.172	559.815	253.281	407.270	381.231	323.830	108.951
2. Bổ sung có mục tiêu	339.665	27.919	16.278	48.773	15.086	40.938	38.296	50.944	101.431

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018
KHỐI HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 331/BC-UBND ngày 24 /11 /2017 của UBND tỉnh Lai Châu)



Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
TỔNG CHI NGÂN SÁCH	3.624.102	411.606	550.800	629.288	295.317	484.308	463.927	415.374	373.482
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	3.555.097	409.071	547.348	614.820	288.546	460.454	456.673	404.775	373.410
I. Chi đầu tư phát triển	260.965	24.758	20.208	32.615	17.747	21.998	35.150	34.387	74.102
1. Chi XDCB tập trung	161.215	18.458	18.808	29.465	13.547	17.098	26.050	20.037	17.752
1.1. Cân đối ngân sách huyện, thành phố	126.920	12.363	18.808	19.465	13.547	17.098	18.150	11.837	15.652
1.2. Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng chè	34.295	6.095		10.000			7.900	8.200	2.100
2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Chỉ thực hiện chi đầu tư sau khi đã bố trí kinh phí hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai)	99.750	6.300	1.400	3.150	4.200	4.900	9.100	14.350	56.350
II. Chi thường xuyên	3.250.958	379.128	519.775	574.312	267.190	432.591	416.030	365.599	296.333
1. Sự nghiệp kinh tế	412.402	42.422	36.904	60.151	20.106	36.341	49.117	56.105	111.256
a, Theo định mức 7% chi thường xuyên	141.742	17.038	24.078	25.846	11.791	19.257	18.075	15.760	9.897
- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp	36.060	5.959	5.544	6.800	4.100	3.661	4.651	3.611	1.734
Tr.đó: + Vốn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	27.200	4.800	4.500	5.500	3.800	2.300	3.200	2.500	600
+ KP KN, KL, KC - Mô hình	3.700	500	500	500	300	500	500	500	400
- Sự nghiệp giao thông	32.000	4.000	7.000	7.000	3.200	5.000	2.800	2.500	500

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
- Sự nghiệp thủy lợi	23.800	2.000	6.000	5.000	1.500	4.000	2.000	1.500	1.800
- Sự nghiệp kinh tế khác	49.882	5.079	5.534	7.046	2.991	6.596	8.624	8.149	5.863
<i>Tr.đó: + Kinh phí sự nghiệp môi trường</i>	<i>16.200</i>	<i>2.000</i>	<i>2.200</i>	<i>2.800</i>	<i>1.200</i>	<i>2.700</i>	<i>2.600</i>	<i>2.700</i>	
+ <i>Kinh phí điện chiếu sáng</i>	<i>3.700</i>	<i>600</i>	<i>400</i>	<i>450</i>	<i>300</i>	<i>800</i>	<i>550</i>	<i>400</i>	<i>200</i>
+ <i>Kinh phí BCD các chương trình</i>	<i>2.950</i>	<i>350</i>	<i>350</i>	<i>450</i>	<i>400</i>	<i>450</i>	<i>400</i>	<i>350</i>	<i>200</i>
b, Hỗ trợ có mục tiêu	199.034	13.900	8.871	22.354	6.715	16.084	14.724	18.577	97.809
- Kinh phí sự nghiệp môi trường (vệ sinh môi trường)	23.000								23.000
- Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Lai Châu giai đoạn 2017-2020	30.000								30.000
- Kinh phí nạo vét hồ, hệ thống thoát nước đường nội thị	3.000								3.000
- Kinh phí lát vỉa hè, chỉnh trang đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước	32.000	5.000	2.000	3.000	2.000	5.000	5.000	7.000	3.000
- Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng, phát quang thông tầm nhìn đường tuần tra biên giới	3.975		932	248	518	2.277			
- Kinh phí lắp đặt điện chiếu sáng, trang trí Đại lộ Lê Lợi kéo dài và đường Nùng Nàng huyện Tam Đường	9.000								9.000
- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị	11.000								11.000
- Kinh phí trồng, cải tạo cây xanh	10.000								10.000
- Sửa chữa, nâng cấp đường Sin Hồ đến Nậm Mạ Giao, Nậm Mạ Thái	9.000			9.000					
- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	18.377	2.500	2.000	3.000	1.000	3.877	2.800	2.700	500
- Kinh phí miễn thủy lợi phí	16.982	2.600	1.439	1.606	697	1.930	3.924	3.877	909



NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
- Hỗ trợ kinh phí trả nợ kinh phí khắc phục hậu quả bão lũ	4.800	1.800		3.000					
- Kinh phí sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, cấp nước do huyện quản lý	21.500	2.000	2.500	2.500	2.500	3.000	3.000	5.000	1.000
- Kinh phí lập Đề án chương trình phát triển đô thị thành phố Lai Châu giai đoạn 2017-2030	1.400								1.400
- Kinh phí vận hành điện và điện chiếu sáng	5.000								5.000
c. Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	71.626	11.484	3.955	11.951	1.600	1.000	16.318	21.768	3.550
- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015-2020 (Theo Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 21/9/2016)	52.280	8.800	3.080	7.700			13.900	15.950	2.850
- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Sơn tra trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020	2.846	184	275	551			918	918	
- Bổ sung phần chênh lệch chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	16.500	2.500	600	3.700	1.600	1.000	1.500	4.900	700
2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.924.613	225.263	337.124	355.998	155.047	269.014	248.107	219.796	114.264
2.1. Sự nghiệp giáo dục	1.874.722	219.871	329.374	348.235	148.091	260.417	241.757	214.725	112.252
<i>Tr.đó: - Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP</i>	94.199	9.468	23.497	19.938	10.221	10.622	9.709	10.744	0
- KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 3- 5 tuổi	31.905	4.104	6.834	7.116	2.314	1.850	4.835	4.294	558
- Kinh phí thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP	47.276	6.279	7.451	11.214	2.940	5.913	6.888	6.349	242
- Kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định 57/2017NĐ-CP	21.767	2.614	0	3.715	5.101	10.257	0	0	80
- Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	6.548	1.191	1.575	93	311	715	1.803	860	

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
- Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND	31.000	4.000	5.500	8.500	3.000	6.000	2.000	2.000	
- Kinh phí thực hiện hỗ trợ nấu ăn tập trung theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND	20.191	1.997	3.570	3.852	2.340	2.650	2.556	2.332	894
- Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, sửa chữa các trường bán trú, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và khắc phục phòng học tạm	42.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	7.000
- Kinh phí thực hiện chi trả cho đối tượng đang hợp đồng (Theo số đối tượng do Sở Nội vụ thông báo)	18.839	649	6.700	2.436	2.066	2.877	1.958	2.153	0
2.2.Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	49.891	5.392	7.750	7.763	6.956	8.597	6.350	5.071	2.012
Tr.đó: - KP đào tạo theo Nghị quyết và chính sách thu hút	8.507	1.219	1.095	1.490	682	1.688	788	764	781
- KP đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Nghị quyết giai đoạn 2011-2020	5.517	553	979	964	354	921	853	659	234
3.Sự nghiệp văn hoá thông tin	30.103	3.768	2.687	4.562	1.491	1.546	12.029	1.742	2.278
4. Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình	29.522	4.679	4.471	4.021	3.477	2.704	4.962	3.729	1.479
5. Sự nghiệp thể dục thể thao	4.450	509	719	746	450	450	606	520	450
6. Đảm bảo xã hội	55.606	7.689	7.618	9.039	3.512	7.027	10.114	6.878	3.729
Tr.đó: - Kinh phí thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP	41.807	5.641	5.468	7.161	2.290	5.700	7.832	4.840	2.875
7. Quản lý hành chính	263.415	31.346	35.090	36.337	28.773	39.059	33.531	28.858	30.421
Tr.đó:- Kinh phí đặc thù của huyện	28.200	3.000	3.500	3.800	3.800	5.600	3.000	3.000	2.500
- KP nâng cấp, mua sắm, sửa chữa trụ sở, nhà công vụ các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước	11.000	1.000	3.000	2.000		1.500	3.000		500

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Thành phố
		Tam Đường	Phong Thổ	Sin Hồ	Nậm Nhùn	Mường Tè	Than Uyên	Tân Uyên	Lai Châu
- Kinh phí soạn thảo cuốn lịch sử Đảng theo Đề án nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020	1.000		200	200	200	200		200	
- Kinh phí thực hiện Đề án "Tăng cường công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020" theo Quyết định số 132-QĐ/TU ngày 26/5/2016	232		58	58	58	58			
8. Chi an ninh - quốc phòng	42.196	4.390	6.514	7.275	3.505	5.348	4.957	4.226	5.981
- An ninh	5.328	564	1.064	886	555	655	625	544	435
+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU	1.160	140	205	245	120	160	120	110	60
- Quốc phòng	36.868	3.826	5.450	6.389	2.950	4.693	4.332	3.682	5.546
Tr.đó: + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định 03/2016/NĐ-CP	6.464	675	837	1.070	454	841	692	598	1.297
+ Kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn, an ninh trật tự vùng di dân tự do, phá nhỏ cây thuốc phiện	800			300		500			
+ Kinh phí diễn tập phòng thủ	1.800								1.800
9. Ngân sách xã	476.669	57.673	86.169	94.170	49.782	69.345	51.241	42.554	25.735
Tr.đó: - Kinh phí thực hiện chính sách người uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg	1.070	144	187	240	76	133	141	123	26
- Hỗ trợ trực tiếp cho người dân theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg	14.574	1.753	2.706	3.222	1.080	2.450	1.750	1.600	13
- Kinh phí thực hiện Đề án phát triển KTXH, đảm bảo QP-AN giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết 51/2016/NQ-HĐND	13.745		7.767	600	1.772	3.606			

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2018	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Huyện	Thành phố
		Tam Đường	Phong Thổ	Sin Hồ	Nậm Nhùn	Mường Tè	Than Uyên	Tân Uyên	Lai Châu
- Nâng cấp sửa chữa trụ sở xã và mua sắm trang thiết bị theo Nghị Quyết số 07-NQ/TU ngày 30/9/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh	24.800	2.000	3.000	5.000	4.000	5.000	3.000	2.000	800
10. Chi khác ngân sách	11.982	1.389	2.479	2.013	1.047	1.757	1.366	1.191	740
III. Dự phòng ngân sách	43.174	5.185	7.365	7.893	3.609	5.865	5.493	4.789	2.975
B. CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	69.005	2.535	3.452	14.468	6.771	23.854	7.254	10.599	72
I. Bổ sung có mục tiêu (Vốn sự nghiệp)	69.005	2.535	3.452	14.468	6.771	23.854	7.254	10.599	72
1. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	19.519	2.535	3.452	4.586	1.346	2.725	2.364	2.439	72
2. Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020	30.170			9.790	2.440	4.890	4.890	8.160	
3. Đề án phát triển KTXH vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg	19.316			92	2.985	16.239			
- Hỗ trợ người dân đảm bảo các điều kiện để phát triển sản xuất	3.320				1.920	1.400			
- Chính sách hỗ trợ về giáo dục	12.597					12.597			
- Y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân	1.635			55	545	1.035			
- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào	1.374			37	520	817			
- Củng cố hệ thống chính trị cơ sở và đào tạo, bồi dưỡng tăng cường đội ngũ cán bộ người dân tộc La Hủ, Mảng, Cống	390					390			